**KẾ HOẠCH BÀI DẠY – HỘI GIẢNG VÒNG 1**

**GV: Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**Luyện từ và câu**

**TỪ NHIỀU NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Năng lực văn học:**

- Nắm được kiến thức sơ giản về từ nhiều nghĩa ( ND ghi nhớ).

-Nhận biết được từ mang nghĩa gốc, từ mang nghĩa chuyển trong các câu văn có dùng từ nhiều nghĩa( BT1, mục III); tìm được ví dụ về sự chuyển nghĩa của 3 trong số 5 từ chỉ bộ phận cơ thể người và động vật (BT2).

\*HS làm được toàn bộ BT2 (mục III)

**2. Năng lực chung và phẩm chất:**

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Giáo dục học sinh thêm yêu Tiếng Việt.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**-**Bài giảng powerpoint

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Khởi động:**  - Thế nào là từ đồng âm?  - Đặt câu để phân biệt từ đồng âm  *“ đậu”*  - GV và HS cùng nhận xét  - GV giới thiệu bài: Chúng ta đã học về : Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm. Hôm nay chúng ta đi tìm hiểu về từ nhiều nghĩa.  **2.Hình thành kiến thức:**  **Phần Nhận xét**  **Bài 1:** GV treo bảng phụ  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - 1 HS nêu yêu cầu của bài  - 1 HS đọc các từ ở cột A và các nghĩa ở cột B.  - Yêu cầu HS dùng bút chì nối từ với nghĩa thích hợp vào SGK.  - Chữa bài. 3 HS lần lượt đứng lên mỗi bạn nêu 1 từ với nghĩa tương ứng  - Nhận xét, kết luận bài làm đúng.  - Gọi HS nêu lại nghĩa của từng từ.  *=> Các nghĩa vừa xác định của các từ răng, tai , mũi là nghĩa vốn có của từ. Đó là nghĩa gốc của từ.*  \* Ngoài nghĩa gốc, *răng, mũi, tai* còn có nét nghĩa nào khác, chúng ta cùng chuyển sang bài tiếp theo(BT2,3).  - Yêu cầu HS đọc to khổ thơ trong bài 2 SGK.  - Tìm và nêu các từ in đậm trong khổ thơ đó.  GV ghi từ **răng** cào**, mũi** thuyền**, tai** ấm lên bảng.  - GV cho học sinh quan sát tranh cái cào và hỏi tên đồ vật.  - Chỉ răng của cái cào  - Răng cào và răng ở bài tập 1 có nét nghĩa nào giống nhau. Vậy nó khác nhau ở chỗ nào?  - Tương tự như vậy yêu cầu học sinh nêu điểm giống nhau và khác về nghĩa của hai từ còn lại.  - *Qua phần so sánh nghĩa chúng ta thấy các từ* ***răng*** *cào****, mũi*** *thuyền****, tai*** *ấm có ít nhất 1 nét nghĩa giống nghĩa gốc và nó có một số nét nghĩa khác được hình thành trên cơ sở nghĩa gốc. Những nghĩa khác đó gọi là nghĩa chuyển.*  - Yêu cầu học sinh tìm thêm một số nghĩa chuyển khác của từ răng mũi tai.  *=>GV chốt: Những từ răng,mũi, tai có 1 nghĩa gốc và một số nghĩa chuyển. Vậy từ răng, mũi,tai là từ nhiều nghĩa.*  *Vậy em hiểu:*  - Thế nào là từ nhiều nghĩa ?  - Nghĩa gốc và nghĩa chuyển có mối liên hệ với nhau hay không?  - Kiến thức chúng ta vừa rút ra đó chính là nội dung phần ghi nhớ.  **Phần Ghi nhớ:**  - Gọi 1 bạn đọc to phần ghi nhớ  **3.Thực hành:**  **Bài tập 1**: GV treo BP  - Gọi HS đọc YC và nội dung BT1.  - Cho HS phân tích YC của bài.  - Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4.  - GV nhận xét, kết luận lời giải đúng  - YC HS nêu nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ mắt trong bài.  - Tìm thêm 1 số nghĩa chuyển khác của từ mắt.  => Các từ: mắt, chân, đầu chỉ bộ phận trên cơ thể người và động vật thường là từ nhiều nghĩa. Chúng ta cùng đi tìm sự chuyển nghĩa của một số từ trong BT2.  **Bài tập 2:**  - Tổ chức trò chơi “ Tiếp sức”  -Chia thành 2 nhóm: Nhóm Nam và nhóm Nữ, mỗi nhóm gồm 5 bạn  -GV phổ biến luật chơi: Nhiệm vụ của các đội là nối tiếp nhau tìm nghĩa chuyển của 3 từ: tay, cổ, lưỡi.Các bạn ở dưới lớp cổ vũ  -Tổ chức cho HS chơi  - GV cùng HS chữa bài và nhận xét  - YC HS giải thích nghĩa một số từ  -Tuyên dương, khen ngợi nhóm thắng cuộc  **4.Vận dụng:**  - Thay thế từ ***ăn*** trong các câu sau bằng từ thích hợp:  *a) Tàu ăn hàng ở cảng.*  *b) Cậu làm thế dễ ăn đòn lắm.*  *c) Da bạn ăn phấn lắm.*  *d) Hồ dán không ăn giấy.*  - Nhận xét tiết học.  - Nhắc HS về ôn lại bài và xem trước bài : *Luyện tập về từ nhiều nghĩa.* | - HS nêu  -HS đặt câu  - HS lắng nghe  - 1 HS đọc yêu cầu.  - HS nêu yêu cầu của bài.  - 1HS làm trên bảng lớp, lớp làm vào SGK.  - Lớp nhận xét.  *Răng – b ; Mũi – c ; Tai – a.*  - Nhắc lại nghĩa của từng từ.  - HS nghe.  - 1 HS đọc.  - HS tìm và nêu  - HS chỉ răng cào  - Đều sắp thành hàng  + Răng của chiếc cào không dùng để nhai như răng người và động vật.  -HS nêu  -HS tìm  - Từ nhiều nghĩa là từ có một nghĩa gốc và một hay nhiều nghĩa chuyển..  - Có, nghĩa chuyển được suy rộng ra từ nghĩa gốc.  - HS đọc  - HS đọc.  - HS đọc  - HS nêu yêu cầu  - HS thảo luận báo cáo kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS nêu nghĩa  - HS tìm  - HS chia nhóm  - HS lắng nghe  -HS chơi  - Chữa bài, nhận xét kết quả của 2 đội  - HS giải thích  - HS làm bài và lần lượt trình bày:  - Từ thích hợp: ***Bốc, xếp*** hàng.  - Từ thích hợp: ***Bị*** đòn  - Từ thích hợp: ***Bắt*** phấn  - Từ thích hợp: Không ***dính*** | -KT đặt câu hỏi  -KT trình bày 1 phút  -KT đọc tích cực  -KT đặt câu hỏi  -PP chia nhóm và hoạt động nhóm  PP chia nhóm và hoạt động nhóm  -KT trình bày 1 phút |

**ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................